

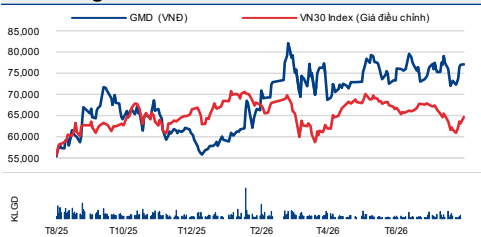
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ94,000
Tiềm năng tăng/giảm: 21.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/8/2026)	77,100
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	55,393-82,020
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	76,833
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	32,397
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,232
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	25.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	42.9%
Tỷ lệ freefloat	88.6%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	5,946	6,556	7,364
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,770	3,611	3,979
LNTT (tỷ đồng)	2,506	3,025	3,374
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,543	1,909	2,128
FCF (tỷ đồng)	(484)	3,940	2,472
EPS ĐC (đồng)	3,565	4,411	4,917
DPS (đồng)	1,478	1,478	1,478
BVPS (đồng)	30,234	34,880	38,507
T.trưởng EBITDA (%)	24.9	30.4	10.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	11.1	22.4	11.5
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	46.6	55.1	54.0
Tỷ suất LNTT (%)	42.1	46.1	45.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	28.2	31.7	31.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	37.7	30.8	27.7
Nợ thuần/VCSH (%)	5.97	(13.3)	(23.0)
ROAE (%)	13.2	14.7	14.6
ROACE (%)	7.41	9.07	9.31
EV/doanh thu (lần)	5.59	4.86	4.07
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.0	8.83	7.53
P/E ĐC (lần)	21.6	17.5	15.7
P/B (lần)	2.55	2.21	2.00
Lợi suất cổ tức (%)	1.92	1.92	1.92

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Q2/2026: Lợi nhuận cốt lõi tích cực; vượt dự báo

- GMD đã công bố KQKD Q2/2026 tích cực với doanh thu thuần đạt 1.763 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1.133 tỷ đồng (tăng 168% so với cùng kỳ và cao hơn 13% so với dự báo của HSC), bao gồm lợi nhuận HĐKD cốt lõi 646 tỷ đồng (tăng 55% so với cùng kỳ và cao hơn 15% so với dự báo) và khoản lợi nhuận thuần không thường xuyên 487 tỷ đồng (cao hơn 11% so với dự báo) từ việc thoái 49,1% cổ phần tại CJ Gemadept Logistics Holding.
- Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi nửa đầu năm 2026 lần lượt bằng 49% và 57% dự báo cả năm 2026 của HSC; trong đó, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi vượt đáng kể dự báo. Chúng tôi đang xem xét lại các dự báo này.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 94.000đ (tiềm năng tăng giá 23%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

KQKD Q2/2026 của GMD tích cực và vượt dự báo của HSC nhờ lợi nhuận HĐKD cốt lõi – chủ yếu nhờ đóng góp lợi nhuận từ Gemalink cao hơn dự báo – và khoản lợi nhuận không thường xuyên từ việc thoái 49% cổ phần tại CJ Gemadept Logistics Holding. Theo đó, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi nửa đầu năm 2026 lần lượt bằng 49% và 57% dự báo cả năm 2026 của HSC; trong đó, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi vượt đáng kể dự báo. Các chi tiết chính như sau.

Doanh thu thuần tăng 18% so với cùng kỳ; doanh thu mảng cảng tăng 12%

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 18% so với cùng kỳ (tăng 21% so với quý trước) đạt 1.763 tỷ đồng, nhờ doanh thu mảng cảng tăng 12% so với cùng kỳ (tăng 14% so với quý trước) đạt 1.468 tỷ đồng và doanh thu logistics & các mảng khác tăng 60% so với cùng kỳ (tăng 74% so với quý trước).

HSC cho rằng tăng trưởng của mảng cảng đến từ sản lượng tại các cảng cạn Bình Dương và Phước Long tăng, bù đắp cho sản lượng tại cảng sông Nam Đình Vũ (NĐV) giảm. Trong Q2/2026, sản lượng container qua NĐV giảm 12% so với cùng kỳ (tăng 4% so với quý trước) xuống 342.065 TEU do một số khách hàng chuyển sang Lạch Huyện sau khi các bến mới tại cụm cảng nước sâu này đi vào hoạt động trong năm 2025. Tuy nhiên, trong tháng 5 & 6, NĐV đã tiếp nhận hai tuyến dịch vụ mới, qua đó giúp hỗ trợ sản lượng container qua cảng trong nửa cuối năm 2026.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026, GMD

Lợi nhuận 'cốt lõi' Q2/26 tăng 18% so với cùng kỳ và 21% so với quý trước lên mức 1.133 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck	% db của HSC
Doanh thu thuần	1,494	1,762	17.9%	21.3%	2,771	3,214	16.0%	49.0%
Lợi nhuận gộp	722	871	20.6%	36.8%	1,284	1,507	17.4%	
Lợi nhuận tài chính	39	645	1568%	3520%	39	663	1587%	
Lợi nhuận từ LD	243	382	57.3%	22.7%	470	694	47.6%	
Chi phí BH&QL	(203)	(361)	78.1%	44.6%	(414)	(610)	47.4%	
LNTT	677	1,550	128.8%	116.4%	1,261	2,267	79.8%	
Lợi nhuận thuần	445	1,133	154.6%	112.2%	848	1,668	96.6%	
Lợi nhuận thuần cốt lõi	548	646	18.0%	21.0%	951	1,181	24.2%	56.9%
TS LN gộp	48.3%	49.4%			46.3%	46.9%		
Chi phí BH&QL/DT	-13.6%	-20.5%			-15.0%	-19.0%		
TS lợi nhuận 'cốt lõi'	29.8%	36.7%			34.3%	36.7%		

Nguồn: GMD, HSC

Lợi nhuận từ công ty liên kết tăng 58% so với cùng kỳ, dẫn dắt nhờ Gemalink

Lợi nhuận từ công ty liên kết trong Q2/2026 tăng mạnh 58% so với cùng kỳ (tăng 23% so với quý trước) đạt 382 tỷ đồng, nhờ đóng góp từ công ty do GMD sở hữu 65% cổ phần là Gemalink (tăng 88% so với cùng kỳ và 28% so với quý trước đạt 299 tỷ đồng). Trong Q2/2026, sản lượng container qua Gemalink tăng 26% so với cùng kỳ (tăng 10% so với quý trước) đạt 577.134 TEU, trong khi giá dịch vụ bình quân tăng nhờ Bộ Xây dựng phê duyệt tăng 10% giá sản dịch vụ bốc dỡ container tại cảng nước sâu, có hiệu lực từ ngày 1/2.

KQKD được hỗ trợ nhờ khoản lợi nhuận không thường xuyên 609 tỷ đồng

Lợi nhuận tài chính Q2/2026 đạt 645 tỷ đồng (so với chỉ 9 tỷ đồng trong Q2/2025 và 18 tỷ đồng trong Q1/2026), nhờ khoản lợi nhuận không thường xuyên 609 tỷ đồng từ việc thoái 49,1% cổ phần tại CJ Gemadept Logistics Holding Ltd. cho CJ Logistics Hong Kong. Thương vụ thoái vốn này là một phần trong quá trình tái cấu trúc quan hệ hợp tác với CJ Logistics Hong Kong; trong đó, GMD cũng mua lại 49% cổ phần tại CJ Gemadept Shipping Holding Company Ltd. (nay là Gemadept Shipping Holding Ltd.). Sau các giao dịch này, GMD sở hữu 100% Gemadept Shipping Holding Ltd. và không còn nắm giữ cổ phần tại CJ Gemadept Logistics Holding Company Ltd.

GMD sẽ bắt đầu hợp nhất Gemadept Shipping Holding Ltd. vào BCTC từ Q3/2026 (trước đây, công ty này được hạch toán theo phương pháp vốn CSH dù GMD sở hữu 51% cổ phần, do GMD chỉ nắm 50% quyền biểu quyết). Từ Q3/2026, GMD cũng sẽ không còn ghi nhận đóng góp lợi nhuận từ công ty liên kết cũ này. Nhìn chung, HSC kỳ vọng thay đổi này sẽ có tác động không đáng kể đến lợi nhuận cốt lõi của GMD do đóng góp từ CJ Gemadept Logistics Holding Company Ltd. chỉ chiếm khoảng 2% LNTT của GMD trước thương vụ thoái vốn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 4% trong 1 tháng qua, GMD đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 16,4 lần (theo các dự báo hiện tại của HSC), thấp hơn nhiều so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 19,4 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 94.000đ (tiềm năng tăng giá 23%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, GMD

Doanh thu thuần Q2/2026 tăng 18% svck và 21% svqt lên mức 1.763 tỷ đồng, với doanh thu mảng cảng biển tăng 12% svck và 14% svqt lên 1.468 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Doanh thu thuần	1,497	1,452	1,763	17.7%	21.4%	2,774	3,215	15.9%
Cảng biển	1,309	1,283	1,468	12.2%	14.4%	2,447	2,751	12.4%
Logistics & mảng khác	185	170	295	59.7%	73.6%	323	464	43.7%
Tỷ trọng								
Cảng biển	87.4%	88.3%	83.3%			88.2%	85.6%	
Logistics & mảng khác	12.3%	11.7%	16.7%			11.6%	14.4%	

Nguồn: GMD

Bảng 3: Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết, GMD

Lợi nhuận Q2/2026 từ công ty liên kết tăng 58% so với cùng kỳ (23% so với quý trước), dẫn đầu là lợi nhuận từ Gemalink (tăng 88% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Lợi nhuận từ cty LD, LK	241	312	382	58.4%	22.7%	468	694	48.2%
Gemalink	159	233	299	88.3%	27.9%	318	532	67.2%
SCS	69	63	68	-2.0%	7.9%	131	131	-0.6%
Khác	13	15	16	17.4%	3.1%	19	31	66.6%

Nguồn: GMD, SCS, HSC

Bảng 4: Sản lượng container tại các cảng trọng điểm, GMD

Sản lượng tiêu thụ của GML ghi nhận tăng trưởng mạnh trong quý 2/2026 và 6T2026, trong khi NDV chứng kiến sản lượng giảm so với cùng kỳ do cạnh tranh gia tăng từ cảng Lạch Huyện

TEUs	Q2/25	Q1/26	Q2/26	svck	svqt	6T25	6T26	svck
Nam Đình Vũ	387,278	327,564	342,065	-11.7%	4.4%	744,224	669,629	-10.0%
Gemalink	457,158	523,133	577,134	26.2%	10.3%	898,772	1,100,267	22.4%

Nguồn: VPA

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	4,832	5,946	6,556	7,364	8,034
Lợi nhuận gộp	2,162	2,715	2,855	3,235	3,561
Chi phí BH&QL	(816)	(1,088)	(1,114)	(1,252)	(1,366)
Thu nhập khác	(611)	(438)	(65.6)	(73.6)	(80.3)
Chi phí khác	262	44.6	32.8	36.8	40.2
EBIT	996	1,234	1,707	1,947	2,155
Lãi vay thuần	267	116	(44.6)	(30.6)	67.2
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	816	1,156	1,362	1,458	1,637
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	2,080	2,506	3,025	3,374	3,859
Chi phí thuế TNDN	(174)	(282)	(267)	(310)	(360)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(446)	(547)	(683)	(751)	(803)
LNST không thường xuyên	(92.0)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,459	1,677	2,075	2,313	2,695
Lợi nhuận thuần ĐC	1,251	1,543	1,909	2,128	2,480
EBITDA ĐC	2,218	2,770	3,611	3,979	4,386
EPS (đồng)	3,525	3,917	4,795	5,345	6,227
EPS ĐC (đồng)	3,021	3,565	4,411	4,917	5,729
DPS (đồng)	2,216	1,478	1,478	1,478	1,971
Slg CP bình quân (triệu đv)	414	428	433	433	433
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	414	433	433	433	433

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	3,964	1,618	5,344	6,857	8,452
Đầu tư ngắn hạn	1,021	2,657	1,343	1,512	1,653
Phải thu khách hàng	1,235	1,396	1,692	1,907	2,085
Hàng tồn kho	83.4	86.5	113	127	139
Các tài sản ngắn hạn khác	372	353	389	438	477
Tổng tài sản ngắn hạn	6,676	6,110	8,882	10,841	12,805
TSCĐ hữu hình	3,786	5,384	4,864	4,309	3,735
TSCĐ vô hình	247	245	230	221	211
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,766	1,350	1,457	1,471	1,485
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,792	4,827	5,344	5,344	5,344
Tài sản dài hạn khác	1,719	1,860	2,322	2,603	2,841
Tổng tài sản dài hạn	11,310	13,667	14,218	13,948	13,615
Tổng cộng tài sản	17,986	19,777	23,099	24,789	26,421
Nợ ngắn hạn	422	308	573	643	702
Phải trả người bán	462	566	626	704	768
Nợ ngắn hạn khác	1,146	1,307	1,562	1,754	1,914
Tổng nợ ngắn hạn	2,107	2,350	2,866	3,219	3,512
Nợ dài hạn	1,745	2,082	2,759	2,369	1,831
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	380	485	515	579	631
Tổng nợ dài hạn	2,125	2,567	3,274	2,948	2,462
Tổng nợ phải trả	4,232	4,917	6,140	6,167	5,974
Vốn chủ sở hữu	12,386	13,085	15,096	16,666	18,392
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,368	1,775	1,864	1,957	2,055
Tổng vốn chủ sở hữu	13,753	14,860	16,960	18,622	20,447
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,986	19,777	23,099	24,789	26,421
BVPS (đ)	29,919	30,234	34,880	38,507	42,496
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,797)	771	(2,012)	(3,845)	(5,920)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	996	1,234	1,707	1,947	2,155
Khấu hao	(406)	(379)	(542)	(574)	(594)
Lãi vay thuần	267	116	(44.6)	(30.6)	67.2
Thuế TNDN đã nộp	(242)	(329)	(324)	(374)	(433)
Thay đổi vốn lưu động	(5.03)	(1,900)	423	(779)	(656)
Khác	(681)	(5.70)	91.5	28.4	23.5
LCT thuần từ HKKD	1,647	1,492	3,946	2,483	2,938
Đầu tư TS dài hạn	(1,598)	(1,976)	(6.38)	(10.1)	(10.4)
Góp vốn & đầu tư	(1,224)	(646)	(517)	0	0
Thanh lý	382	0	0	0	0
Khác	944	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(1,497)	(2,827)	(523)	(10.1)	(10.4)
Cổ tức trả cho CSH	(917)	(640)	(640)	(640)	(853)
Thu từ phát hành CP	3,059	125	0	0	0
Tăng/giảm nợ	220	222	942	(319)	(479)
Khác	(24.9)	(723)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,337	(1,016)	302	(959)	(1,332)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,474	3,964	1,618	5,344	6,857
LCT thuần trong kỳ	2,487	(2,351)	3,725	1,513	1,595
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.15	5.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,964	1,618	5,344	6,857	8,452
Dòng tiền tự do	48.3	(484)	3,940	2,472	2,927

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	44.7	45.7	43.5	43.9	44.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	46.6	55.1	54.0	54.6
Tỷ suất LNT (%)	30.2	28.2	31.7	31.4	33.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	8.39	11.2	8.83	9.18	9.34
Tăng trưởng doanh thu (%)	25.6	23.0	10.3	12.3	9.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.5	24.9	30.4	10.2	10.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(42.0)	23.3	23.7	11.5	16.5
Tăng trưởng EPS (%)	(51.9)	11.1	22.4	11.5	16.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.6)	18.0	23.7	11.5	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(33.3)	0	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	62.8	37.7	30.8	27.7	31.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.9	13.2	14.7	14.6	15.4
ROACE (%)	7.25	7.41	9.07	9.31	9.69
Vòng quay tài sản (lần)	0.31	0.31	0.31	0.31	0.31
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.65	1.21	2.31	1.28	1.36
Số ngày tồn kho	11.4	9.77	11.2	11.2	11.3
Số ngày phải thu	169	158	167	169	170
Số ngày phải trả	63.1	63.9	61.8	62.2	62.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(14.4)	5.97	(13.3)	(23.0)	(32.1)
Nợ/tài sản (%)	12.1	12.1	14.5	12.2	9.63
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	38.3	63.7	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.55	1.49	1.49	1.20	0.93
Chỉ số TT hiện thời (lần)	3.17	2.60	3.10	3.37	3.65
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	6.30	5.59	4.86	4.07	3.47
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.7	12.0	8.83	7.53	6.35
P/E (lần)	21.9	19.7	16.1	14.4	12.4
P/E ĐC (lần)	25.5	21.6	17.5	15.7	13.5
P/B (lần)	2.58	2.55	2.21	2.00	1.81
Lợi suất cổ tức (%)	2.87	1.92	1.92	1.92	2.56

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn